

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Năm học :	Năm học: 2025
Trường :	Trường TH Tân

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số	Lớp 1						Lớp 2						Tổng số
			Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	
I. Kết quả học tập															
1. Tiếng Việt	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Hoàn thành tốt		338	69	41	1				63	41	2	1			81
Hoàn thành		593	140	59	2				113	46	2				103
Chưa hoàn thành		63	22	8					15	7	1	1			12
2. Toán	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Hoàn thành tốt		337	87	53	1				66	38	2	1			73
Hoàn thành		580	126	49	2				116	52	3	1			112
Chưa hoàn thành		77	18	6					9	4					11
3. Đạo đức	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Hoàn thành tốt		458	81	50	1				78	49	2	1			86
Hoàn thành		534	150	58	2				113	45	3	1			110
Chưa hoàn thành		2													
4. Tự nhiên và Xã hội	618	618	231	108	3				191	94	5	2			196
Hoàn thành tốt		223	70	44	3				69	46	2	1			84
Hoàn thành		395	161	64					122	48	3	1			112
Chưa hoàn thành															
5. Khoa học	376	376													
Hoàn thành tốt		159													
Hoàn thành		207													
Chưa hoàn thành		10													
6. LS&ĐL	376	376													
Hoàn thành tốt		139													
Hoàn thành		230													
Chưa hoàn thành		7													
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Hoàn thành tốt		346	70	45	1				65	46	2	1			68

Hoàn thành		647	161	63	2				126	48	3	1			128
Chưa hoàn thành		1													
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Hoàn thành tốt		346	73	42	1				56	39	2	1			76
Hoàn thành		645	158	66	2				135	55	3	1			120
Chưa hoàn thành		3													
9. Hoạt động trải nghiệm	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Người lập		400	74	45	1				70	47	2	1			80
Hoàn thành		593	157	63	2				121	47	3	1			116
Chưa hoàn thành		1													
10. Giáo dục thể chất	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Hoàn thành tốt		339	74	46	1				56	39	2	1			70
Hoàn thành		653	157	62	2				135	55	3	1			126
Thái Thơi Mỹ	572	572													
															196
Hoàn thành tốt		220													81
Hoàn thành		342													107
Chưa hoàn thành		10													8
12. TH-CN (Tin học)	572	572													196
Hoàn thành tốt		180													56
Hoàn thành		389													139
Chưa hoàn thành		3													1
13. Ngoại ngữ	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Hoàn thành tốt		299	66	37	1				45	29	1				86
Hoàn thành		627	147	65	2				130	56	3	1			99
Chưa hoàn thành		68	18	6					16	9	1	1			11
14. Tiếng dân tộc															
Hoàn thành tốt															
Hoàn thành															
Chưa hoàn thành															
II. Năng lực cốt lõi															
Năng lực chung															
Tự chủ và tự học	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Tốt		494	108	59	3				83	54	2	1			103
Đạt		467	104	43					105	40	3	1			86
Cần cố gắng		33	19	6					3						7

<i>Giao tiếp và hợp tác</i>	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Tốt		524	99	54	3				79	51	2	1			127
Đạt		446	113	47					110	43	3	1			67
Cần cố gắng		24	19	7					2						2
<i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Tốt		399	72	43	1				67	43	2	1			97
Đạt		558	137	57	2				115	48	2				94
Cần cố gắng		37	22	8					9	3	1	1			5
<i>Năng lực đặc thù</i>															
<i>Ngôn ngữ</i>	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Tốt		357	72	43	1				63	40	2	1			80
Đạt		575	137	57	2				116	48	2				103
Cần cố gắng		62	22	8					12	6	1	1			13
<i>Tính toán</i>	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Tốt		354	86	52	1				67	42	2	1			73
Đạt		568	127	50	2				116	48	3	1			112
Cần cố gắng		72	18	6					8	4					11
<i>Tin học</i>	572	572													196
Tốt		184													56
Đạt		385													139
Cần cố gắng		3													1
<i>Công nghệ</i>	572	572													196
Tốt		228													81
Đạt		334													107
Cần cố gắng		10													8
<i>Khoa học</i>	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Tốt		401	77	44	3				69	45	2	1			87
Đạt		580	152	62					122	49	3	1			108
Cần cố gắng		13	2	2											1
<i>Thẩm mĩ</i>	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Tốt		344	77	45	1				58	41	2	1			71
Đạt		646	152	61	2				133	53	3	1			125
Cần cố gắng		4	2	2											
<i>Thể chất</i>	994	994	231	108	3				191	94	5	2			196
Tốt		342	74	45	1				56	39	2	1			71
Đạt		648	155	61	2				135	55	3	1			125

[illegible]

ĐỀ - HỌC KÌ I

-2026

n An

Lớp 3					Lớp 4						Lớp 5					
Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số				
Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
47	1	1			64	39	3	1			61	42	1	1		
50	4	3			119	57					118	47	2	1		1
2	1				9	5					5	3				
99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
40	1	1			56	29	3	1			55	32	1	1		
55	4	3			118	61					108	47	2	1		
4	1				18	11					21	13				1
99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
50					103	56	3	1			110	64	1	1		
49	6	4			87	44					74	28	2	1		1
					2	1										
99	6	4														
49	1	1														
50	5	3														
					192	101	3	1			184	92	3	2		1
					86	47	3	1			73	43	1	1		
					97	50					110	49	2	1		1
					9	4					1					
					192	101	3	1			184	92	3	2		1
					69	39	3	1			70	43	1	1		
					117	59					113	49	2	1		1
					6	3					1					
99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
43					73	46	1	1			70	44	1	1		

[illegible]

99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
63	2	1			110	64	3	1			109	57	1	1		
36	4	3			81	37					75	35	2	1		1
					1											
99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
55	2	1			87	51	3	1			76	41	1	1		
43	4	3			104	50					108	51	2	1		1
1					1											
99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
47	1	1			82	50	3	1			60	41	1	1		
50	4	3			100	46					119	48	2	1		1
2	1				10	5					5	3				
99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
40	1	1			70	36	3	1			58	33	1	1		
55	4	3			107	56					106	46	2	1		
4	1				15	9					20	13				1
99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
31	1	1			67	41	1	1			61	43	1	1		
67	5	3			123	59	2				123	49	2	1		1
1					2	1										
99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
46	1	1			77	49	1	1			70	45	1	1		
51	4	3			113	51	2				114	47	2	1		1
2	1				2	1										
99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
48	1	1			88	47	3	1			80	47	1	1		1
51	5	3			95	50					103	45	2	1		
					9	4					1					
99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
44					78	50	1	1			60	45	1	1		
55	6	4			112	50	2				124	47	2	1		1
					2	1										
99	6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
45	1	1			73	46	1	1			68	43	1	1		
54	5	3			117	54	2				116	49	2	1		1

[illegible]

2. Điểm số học sinh

[illegible]

[illegible]

Lớp 3				Lớp 4						Lớp 5					
Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số				
Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
2	2									5	5				
				41	24	1				51	31				
3	2			59	40	2	1			43	21	2	1		
				42	15					31	17				
				32	13					35	9	1	1		
				13	6					11	4				
1				5	3					8	5				1
6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
1	1			14	7	2				16	9				
1	1			28	13					19	12	1	1		
2	1			26	15	1	1			22	14				
				27	15					22	8	1			
				25	13					28	9				
1	1			40	23					53	24	1	1		
1				32	15					24	16				1
6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
1	1			8	6					82	46	1	1		
1	1			47	23	2				58	24	1			
3	2			59	32	1	1			24	13	1	1		1
				31	18					9	4				
				20	11					8	3				
				25	10					3	2				
1				2	1										
6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
1	1			14	7					24	16	1	1		
				28	18					24	12				
1	1			30	15	2	1			51	27				

				31	17					41	18	2	1		1
1				40	20	1				23	11				
3	2			47	23					21	8				
				2	1										
6	4			192	101	3	1			184	92	3	2		1
				35	20					41	23	1	1		
4	4			37	23	2	1			32	21				1
1				40	17	1				50	26	1	1		
				21	13					28	9	1			
				19	9					11	5				
1				26	14					9	4				
				14	5					13	4				
				192	101	3	1			184	92	3	2		1
				10	4					3	2				
				28	15	2				53	26	1	1		
				49	23					61	28				
				55	34	1	1			36	19				
				24	11					17	9	1			
				12	6					12	8	1	1		1
				14	8					2					
				192	101	3	1			184	92	3	2		1
				25	15	1				32	18	1	1		
				36	18	1				55	28	1			
				35	18	1	1			32	17				
				32	19					33	15				
				23	12					13	5	1	1		
				33	15					6	1				
				8	4					13	8				1

3. Hoạt động chuyên môn - cộng đồng

I. Sinh hoạt chuyên môn trong học kì	Đơn vị tính			
Họp chuyên môn theo tổ	Lần	10		
Họp chuyên môn theo trường	Lần	10		
Họp chuyên môn theo cụm trường	Lần			
II. Trợ giảng ngôn ngữ được đánh giá hỗ trợ HS có hiệu quả	Người			
III. Hoạt động Ban đại diện cha, mẹ HS				
Họp Ban đại diện cha mẹ HS	Lần	2		
Tham gia tổ chức các hoạt động ngoại khóa	Lần	4		
Hỗ trợ các hoạt động giáo dục của nhà trường		Rất tích cực		
IV. Hoàn thành tập huấn VNEN	Lượt người			
1. Cấp trung ương				
Giáo viên lớp 2	"			
Giáo viên lớp 3	"			
Giáo viên lớp 4	"			
Giáo viên lớp 5	"			
Cán bộ quản lý (trường)	"			
2. Cấp cụm tỉnh				
Giáo viên lớp 2	"			
Giáo viên lớp 3	"			
Giáo viên lớp 4	"			
Giáo viên lớp 5	"			
Cán bộ quản lý (trường)	"			
3. Cấp trường				
Giáo viên lớp 2	"			
Giáo viên lớp 3	"			
Giáo viên lớp 4	"			
Giáo viên lớp 5	"			
Cán bộ quản lý (trường)	"			
V. Lớp học có đồ dùng học tập tự làm	Lớp	28		
VI. Hoàn thành tập huấn về Dạy - Học cả ngày (FDS)				
Tên Mô-đun tập huấn	Gv hoàn thành tập huấn			HT và Phó HT hoàn thàn
	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Tổng số Nữ
TH31: Tổ chức dạy học, dạy học cả ngày				
Dạy học đảm bảo chất lượng môn Toán và Tiếng Việt (các lớp 1, 2, 3, 4 và 5)				
Mô hình trường tiểu học dạy học cả ngày và Lộ trình chuyển đổi				

Kĩ năng giao tiếp ngôn ngữ địa phương cho giáo viên không phải là người dân tộc (Kh'mer/Chăm/Jrai/H'mông)					
Tăng cường kĩ năng giao tiếp tiếng Việt cho học sinh dân tộc					
Dạy học Tiếng Việt 1 - Công nghệ giáo dục					

Phú An, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập

Hiệu trưởng

Thái Thoại Mỹ

Trương Thu Thùy

h tập huấn
Dân tộc
